

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 609/QĐ-CDKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Kiểm toán

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc chuyển Trường Cao đẳng Kinh tế TP. Hồ Chí Minh sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội ban hành Quy định Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ vào Thông tư số 06/2019/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội bổ sung ngành, nghề đào tạo vào Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, chương trình đào tạo:

Tên ngành: **Kiểm toán**

Mã ngành: **6340310**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Khối lượng kiến thức: **94 tín chỉ**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ năm học 2019 - 2020 và thay thế Quyết định số 116/QĐ-CDKT ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Chương trình đào tạo ngành Kiểm toán.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc và sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế
Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lâm Văn Quân

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo quyết định số 609/QĐ-CDKT ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng trường
Cao đẳng Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh)

Tên ngành, nghề: KIỂM TOÁN
Mã ngành, nghề: 6340310
Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Hình thức đào tạo: Chính quy, tập trung
Phương thức đào tạo: Hệ thống tín chỉ
Văn bằng: Cử nhân
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian đào tạo: 2,5 – 3 năm

A. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

I. Mục tiêu đào tạo

1. Mục tiêu chung

Chương trình cử nhân kinh tế ngành kiểm toán nhằm trang bị cho người học kiến thức về cơ sở lý luận, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo và được công nhận bởi xã hội, nhằm đào tạo nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế xã hội ngày càng nâng cao.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

Có kiến thức về chính trị, kinh tế, xã hội làm nền tảng để nghiên cứu các môn nghiệp vụ về kế toán, kiểm toán để có khả năng thực hiện công tác kiểm toán tình hình hoạt động, tài chính tại doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp cũng như thực hiện công tác kế toán, kiểm soát nội bộ.

Có kiến thức chuyên môn để giải quyết những vấn đề liên quan đến công tác kế toán, kiểm toán.

Có kiến thức về ngoại ngữ và tin học để ứng dụng trong công tác kế toán, kiểm toán.

2.2. Kỹ năng

Trang bị các kỹ năng thực hành nghề nghiệp cần thiết bao gồm thu thập thông tin, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề cũng như các kỹ năng tính toán, lập báo cáo, phân tích, lập kế hoạch và quản lý hiệu quả trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán

Trang bị các kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển bản thân và nghề nghiệp.



2.3. Thái độ

Có đạo đức nghề nghiệp vững vàng, phẩm chất tốt để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của xã hội trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.

Có ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn như:

- Kiểm soát nội bộ về tình hình hoạt động cũng như tình hình tài chính
- Trợ lý kiểm toán tại các công ty thực hiện kiểm toán cho các doanh nghiệp
- Kế toán viên: phụ trách các phần hành như: kế toán thanh toán, kế toán kho, kế toán lương, kế toán giá thành, kế toán thuế, kế toán bán hàng,...
- Kế toán tổng hợp: phụ trách các công việc tổng hợp như kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp; Lập báo cáo tài chính
- Ngoài ra, có thể đảm nhận công việc: nhân viên phân tích và tư vấn về kế toán, tài chính, thuế

Cơ hội phát triển nghề nghiệp: Sau một thời gian làm việc tích lũy đủ kinh nghiệm và có đủ năng lực, điều kiện theo qui định, người học ngành kiểm toán có thể đảm nhiệm vị trí: Trưởng phòng kế toán, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, kiểm toán viên

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm công việc kế toán, kiểm toán tại:

- Các doanh nghiệp thực hiện dịch vụ kiểm toán độc lập
- Các đơn vị tư vấn kế toán, tài chính, công ty đầu tư, tư vấn dịch vụ kế toán
- Các doanh nghiệp kinh tế lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ
- Các cơ quan quản lý: ủy ban nhân dân, sở, ban ngành
- Các tổ chức tín dụng như ngân hàng, trung tâm giao dịch chứng khoán

II. Chuẩn đầu ra

Đề mục		Mức độ nội dung
A	Về kiến thức	
1	Kiến thức chung	Giải thích được các kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội và chính sách pháp luật của Nhà nước trong công tác
2	Kiến thức hỗ trợ	
2.1		Vận dụng được các kiến thức công nghệ thông tin cơ bản, phần mềm kế toán; giao tiếp ngoại ngữ cơ bản. đáp ứng yêu cầu trong công tác kế toán, kiểm toán
2.2		Giải thích và vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, pháp luật kinh tế và luật thuế hiện hành trong công tác quản lý và thực hiện công tác kế toán, kiểm toán
3	Kiến thức chuyên môn	
3.1		Giải thích và vận dụng nguyên lý cơ bản về kế toán, kiểm

Đề mục		Mức độ nội dung
.		toán; chuẩn mực, chế độ về kế toán, kiểm toán hiện hành trong công tác kế toán, kế toán
3.2		Vận dụng tốt kiến thức chuyên sâu của kế toán để thực hiện công tác kiểm soát nội bộ hoặc kiểm toán doanh nghiệp
B	Về kỹ năng	
1	Kỹ năng chuyên môn	
1.1		Xây dựng hệ thống chứng từ, ghi nhận thông tin từ các nghiệp vụ vào sổ sách kế toán có liên quan theo luật thuế, chế độ kế toán kiểm toán.
1.2		Thực hiện báo cáo kiểm toán từ việc tổng hợp số liệu kế toán của các đơn vị được kiểm toán. Từ đó trình bày ý kiến của kiểm toán về kết quả kiểm toán hoạt động và báo cáo tài chính
2	Kỹ năng hỗ trợ	Sử dụng thành thạo công nghệ tin học trong công tác kiểm toán. Có khả năng giao tiếp tốt về ngoại ngữ phục vụ trong công việc
3	Kỹ năng mềm	Có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng biết lắng nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, đàm phán trong công việc, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian có thể chủ động giải quyết công việc phát sinh tại doanh nghiệp, đơn vị
C	Về thái độ	
1	Đối với cá nhân – xã hội	
1.1		Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng và pháp luật nhà nước, nội qui làm việc tại doanh nghiệp, đơn vị.
1.2		Có ý thức trách nhiệm trong công việc với cộng đồng xã hội; Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, có ý thức tự nghiên cứu, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn để nâng cao trình độ
2	Đối với nghề nghiệp	
2.1		Làm việc theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp
2.2		Làm việc có phương pháp khoa học có tính tổ chức kỷ luật và trách nhiệm với công việc; biết phân tích, giải quyết vấn đề, đúc kết kinh nghiệm, cải tiến công việc được giao; Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, biết đoàn kết và phối hợp, hợp tác, tự tin, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp trong công việc

B. KHỐI LƯỢNG VÀ NỘI DUNG KIẾN THỨC CHƯƠNG TRÌNH**I. Khối lượng kiến thức**

- Số lượng môn học: **37 môn**
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **94 Tín chỉ**
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **435 giờ**
- Khối lượng các môn học chuyên môn: **1860 giờ**
- Khối lượng lý thuyết: **698 giờ**; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1597 giờ**

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	20 (11,9)	435	178	231	26
MH01	Giáo dục chính trị	4 (3,1)	75	45	24	6
MH02	Pháp luật	2 (2,0)	30	28	0	2
MH03	Giáo dục thể chất (1+2)	2 (0,2)	60	0	56	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3 (1,2)	75	30	42	3
MH05	Tin học	3 (1,2)	75	15	55	5
MH06	Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 3 ngoại ngữ sau)					
MH06.1	Tiếng Anh (1+2)	6 (4,2)	120	60	54	6
MH06.2	Tiếng Trung (1+2)	6 (4,2)	120	60	54	6
MH06.3	Tiếng Hàn (1+2)	6 (4,2)	120	60	54	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	74(35,39)	1.860	520	1.240	100
II.1	Môn học cơ sở	21(12,9)	450	175	243	32
MH07	Kinh tế vi mô	2(1,1)	45	15	27	3
MH08	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2(1,1)	45	15	27	3
MH09	Pháp luật kinh tế	2(1,1)	45	15	27	3
MH10	Nguyên lý kế toán	2(1,1)	45	15	27	3
MH11	Toán tài chính	2(1,1)	45	15	27	3
MH12	Kiểm toán căn bản	3(2,1)	60	30	26	4



MH13	Quản trị hành chính văn phòng	2(1,1)	45	15	27	3
MH14	Sử dụng bảng tính nâng cao	2(1,1)	45	15	27	3
MH15	Ngoại ngữ chuyên ngành (Chọn 1 trong 3 ngoại ngữ sau)					
MH15.1	Tiếng Anh chuyên ngành	3 (2,1)	60	30	28	2
MH15.2	Tiếng Trung thương mại	3 (2,1)	60	30	28	2
MH15.3	Tiếng Hàn thương mại	3 (2,1)	60	30	28	2
MH16	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập	1(1,0)	15	10	0	5
II.2	Môn học hỗ trợ chuyên môn	12(7,5)	255	105	133	17
MH17	Thuế	2(1,1)	45	15	27	3
MH18	Tài chính doanh nghiệp	3(2,1)	60	30	26	4
MH19	Thanh toán quốc tế	2(1,1)	45	15	27	3
MH20	Ứng dụng phần mềm kế toán DN	3(2,1)	60	30	26	4
MH21	Phân tích báo cáo tài chính	2(1,1)	45	15	27	3
II.3	Môn học chuyên môn	28(14,14)	660	210	405	45
MH22	Kế toán tài chính 1	4(2,2)	90	30	55	5
MH23	Kế toán tài chính 2	4(2,2)	90	30	55	5
MH24	Kế toán chi phí	3(2,1)	60	30	26	4
MH25	Thực hành kế toán	4(2,2)	90	30	55	5
MH26	Kế toán quản trị	3(2,1)	60	30	26	4
MH27	Kiểm soát nội bộ	2(1,1)	45	15	27	3
MH28	Kiểm toán hoạt động	2(1,1)	45	15	27	3
MH29	Kiểm toán báo cáo tài chính	2(1,1)	45	15	27	3
MH30	Thực hành kiểm toán BCTC	2(1,1)	45	15	27	3
MH31	Kiến tập doanh nghiệp 1	1(0,1)	45	0	40	5
MH32	Kiến tập doanh nghiệp 2	1(0,1)	45	0	40	5
II.5	Môn học tự chọn	4(2,2)	90	30	54	6
	Nhóm 1 (Chọn 1 trong các môn sau)	2(1,1)	45	15	27	3
MH33	Quản trị học	2(1,1)	45	15	27	3
MH34	Đạo đức kinh doanh và văn hóa DN	2(1,1)	45	15	27	3
MH35	Nguyên lý thống kê	2(1,1)	45	15	27	3
MH36	Tư duy thiết kế	2(1,1)	45	15	27	3
	Nhóm 2 (Chọn 1 trong các môn sau)	2(1,1)	45	15	27	3

MH37	Bảo hiểm	2(1,1)	45	15	27	3
MH38	Thị trường chứng khoán	2(1,1)	45	15	27	3
II.4	Môn học tốt nghiệp	9(0,9)	405	0	405	0
MH39	Thực tập cuối khóa	4(0,4)	180	0	180	0
MH40	Khóa luận tốt nghiệp	5(0,5)	225	0	225	0
	<i>Hoặc chọn 2 môn thay thế:</i>	5(3,2)	105	45	60	0
MH41	Kế toán ngân hàng	3(2,1)	60	30	26	4
MH42	Kế toán Hành chính sự nghiệp	3(2,1)	60	30	26	4
MH43	Thực hành kiểm toán nội bộ	2(1,1)	45	15	27	3
	Tổng cộng	94(46,48)	2.295	698	1.471	126

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO (Phụ lục 1 đính kèm)

CÁC KỸ NĂNG MỀM HỌC NGOẠI KHÓA

STT	Tên học phần
1	Kỹ năng giao tiếp ứng xử trong trường và xã hội
2	Kỹ năng làm việc nhóm
3	Kỹ năng thuyết trình, trình bày
4	Kỹ năng phỏng vấn, tìm việc làm
5	Kỹ năng khởi nghiệp

II. Nội dung văn tắt chương trình (Phụ lục 2 đính kèm)

C. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA – MÔN HỌC

TT	MÔN HỌC	A					B				C			
		A1	A2		A3		B1		B2	B3	C1		C2	
			A2.1	A2.2	A3.1	A3.2	B1.1	B1.2			C1.1	C1.2	C2.1	C2.1
	MÔN HỌC CHUNG													
1	Giáo dục chính trị	X									X			
2	Pháp luật	X									X			
3	Tin học		X						X					
4	Ngoại ngữ		X						X					
5	Giáo dục thể chất													
6	Giáo dục an ninh và quốc phòng													
	MÔN HỌC CƠ SỞ													

TT	MÔN HỌC	A				B				C				
		A1	A2		A3		B1		B2	B3	C1		C2	
			A2.1	A2.2	A3.1	A3.2	B1.1	B1.2			C1.1	C1.2	C2.1	C2.1
1	Kinh tế vi mô	X		X										
2	Lý thuyết tài chính tiền tệ	X		X										
3	Pháp luật kinh tế			X									X	
4	Nguyên lý kế toán				X								X	
5	Toán tài chính	X		X										
6	Kiểm toán căn bản	X								X				
7	Quản trị hành chính văn phòng	X								X				
8	Sử dụng bảng tính nâng cao	X								X				
9	Ngoại ngữ chuyên ngành		X						X					
10	Định hướng nghề nghiệp và kỹ năng học tập									X		X		X
	MÔN HỌC HỖ TRỢ NGÀNH													
1	Thuế			X									X	
2	Tài chính doanh nghiệp			X				X						
3	Thanh toán quốc tế			X				X						
4	Ứng dụng phần mềm kế toán		X					X						
5	Phân tích tài chính DN			X				X						
	MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH													
1	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1					X	X						X	
2	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2					X	X						X	
3	Kế toán chi phí					X	X						X	
4	Thực hành kế toán					X	X						X	
5	Kế toán quản trị					X	X						X	
6	Kiểm soát nội bộ					X							X	
7	Kiểm toán hoạt động						X	X					X	
8	Kiểm toán báo cáo tài chính						X	X					X	
9	Thực hành kiểm toán BCTC					X	X	X					X	
10	Kiến tập doanh nghiệp 1					X	X	X					X	
11	Kiến tập doanh nghiệp 2					X	X	X					X	
12	Thực tập tốt nghiệp													
13	Khóa luận hoặc các môn thay thế													
	Kế toán ngân hàng					X	X						X	
	Kế toán Hành chính sự nghiệp					X	X						X	

TT	MÔN HỌC	A				B				C				
		A1	A2		A3		B1		B2	B3	C1		C2	
			A2.1	A2.2	A3.1	A3.2	B1.1	B1.2			C1.1	C1.2	C2.1	C2.1
	Thực hành kiểm toán nội bộ				X	X	X						X	
	MÔN TỰ CHỌN													
14	Môn học cơ sở (chọn 1 môn)													
	Quản trị học	X		X										
	Đạo đức kinh doanh và văn hóa DN	X		X										
	Nguyên lý thống kê	X		X										
	Tư duy thiết kế	X		X										
15	Môn học hỗ trợ ngành (chọn 1 môn)													
	Bảo hiểm	X		X										
	Thị trường chứng khoán	X		X										
	KỸ NĂNG MỀM									X		X		X

D. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Được công nhận là sinh viên hệ chính quy của trường theo đúng ngành cấp bằng tốt nghiệp
- Hoàn tất các môn học theo đúng chương trình giáo dục quy định và tích lũy đủ số tín chỉ quy định của ngành đào tạo, không có môn học nào đạt điểm dưới 5 và có ĐTBCTL không dưới 5;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của trường
- Đạt chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập.

E. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình này được thiết kế dựa trên chương trình khung của ngành Kế toán, theo quy chế đào tạo cao đẳng hệ chính quy
- Chương trình được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường, bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành được thực hiện trong 6 học kỳ (từ 2,5 đến 3 năm).
- Các học phần cần phải được sắp xếp lịch học theo trình tự đã quy định trong chương trình, nếu có sự thay đổi phải dựa trên điều kiện tiên quyết của các học phần.
- Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.
- Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.

- Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.

- Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.

- Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.



HIỆU TRƯỞNG

Lâm Văn Quản

**TRƯỞNG PHÒNG
ĐÀO TẠO**

Hồ Nguyễn Cúc Phương

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH**

Nguyễn Thị Thanh Hà



PHỤ LỤC 1 : SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành:

KIỂM TOÁN

Trình độ: Cao đẳng

Mã ngành:

